

PHÓ ĐỨC HOÀ

**MODULE TH**

**26**

**HÌNH THỨC TỰ LUẬN  
VÀ TRẮC NGHIỆM  
TRONG ĐÁNH GIÁ  
KẾT QUẢ HỌC TẬP  
Ở TIỂU HỌC**



## A. GIỚI THIỆU/TỔNG QUAN

Yêu cầu nắm vững tri thức là một trong những yêu cầu cơ bản nhất của việc dạy học. Điều này đảm bảo cho hệ thống tri thức môn học được xây dựng để khi người học nắm vững tri thức sẽ từng bước phát triển trí tuệ nói chung và phát triển tư duy nói riêng.

Việc thực hiện yêu cầu nắm vững tri thức môn học đòi hỏi người dạy và người học phải biết đánh giá và tự đánh giá. Đánh giá đúng sẽ khẳng định giá trị chân thực của đối tượng được đánh giá theo những chuẩn khách quan có ý nghĩa đối với con người và được xã hội thừa nhận.

Hiện nay, đánh giá tri thức học sinh tiểu học ở Việt Nam sử dụng hai hình thức chủ yếu: tự luận và trắc nghiệm. Trong module này, chúng tôi cung cấp cho giáo viên tiểu học các nội dung tổng quan về các hình thức đánh giá, kĩ thuật và quy trình biên soạn bài trắc nghiệm để từ đó giáo viên có thể thực hành và sử dụng hiệu quả trong quá trình đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học.



## B. MỤC TIÊU

- Hiểu được đặc điểm của các hình thức tự luận và trắc nghiệm trong đánh giá kết quả học tập ở tiểu học.
- Vận dụng được những kĩ thuật và quy trình biên soạn bài trắc nghiệm để thực hành sử dụng.



## C. NỘI DUNG

### Nội dung 1

---

#### BÀI TỰ LUẬN

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm chung về bài tự luận

#### 1. Thông tin

##### 1.1. Thuật ngữ và khái niệm chung

- *Tự luận* (còn có tên gọi là *luận đề*) và *trắc nghiệm khách quan* đều là phương tiện nhằm đánh giá kết quả giáo dục của người học.

- Tự luận và trắc nghiệm khách quan đều là trắc nghiệm (test); trong đó, “trắc” có nghĩa là đo lường, “nghiệm” là suy xét.
- Thuật ngữ “trắc nghiệm tự luận” và “trắc nghiệm khách quan” chỉ là sự phân biệt mang tính hình thức. Điều này không có nghĩa trắc nghiệm tự luận là không khách quan và ngược lại.

1.2. *Trắc nghiệm tự luận (essay test)* là bài kiểm tra (truyền thống). Trong đó, nhà sư phạm đưa ra một hoặc nhiều yêu cầu, đôi khi là bài toán nhận thức, và đòi hỏi người học phải phân tích các yêu cầu hoặc giải quyết bài toán.

## 2. Nhiệm vụ

*Nhiệm vụ 1:* Các cá nhân nghiên cứu tài liệu và sách tham khảo.

*Nhiệm vụ 2:* Trình bày và thảo luận theo nhóm về trắc nghiệm tự luận.

## 3. Đánh giá hoạt động 1

*Bài tập:* Trình bày ưu điểm và hạn chế của trắc nghiệm tự luận.

## 4. Thông tin phản hồi cho hoạt động 1

*Bài tập:*

- Ưu điểm của trắc nghiệm tự luận:
  - + Kiểm tra, đánh giá được quá trình tư duy đi đến kết quả.
  - + Người học phát huy tối đa khả năng phân tích và vốn sống.
  - + Giúp người học có kỹ năng trình bày văn bản.
- Hạn chế của trắc nghiệm tự luận:
  - + Mất nhiều thời gian làm bài kiểm tra.
  - + Hạn chế tính khách quan trong việc đánh giá.
  - + Trong cùng một thời gian, lượng kiến thức kiểm tra được ít và hạn chế tính tổng quát.

**Hoạt động 2: Xây dựng quy trình đánh giá tri thức học sinh bằng bài tự luận**

### 1. Thông tin

- Quy trình, gốc Latinh là “processus”, còn tiếng Anh là process. Từ điển Nga- Việt dịch là: quá trình, quy trình- có nghĩa là một sự tiến lên.

Có thể nói: “Quy trình – đó là tổng hợp trình tự (logic) các hoạt động nhằm đạt được một kết quả nào đó.” (Từ điển Bách khoa toàn thư Liên Xô, M., 1986, bản tiếng Nga).

- Như vậy, quy trình đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học là trình tự (logic) các hoạt động đánh giá của người dạy và người học (tự đánh giá) nhằm đạt được mục đích yêu cầu của dạy học đề ra.

## 2. Nhiệm vụ

*Nhiệm vụ 1:* Nghiên cứu cá nhân các tài liệu và sách tham khảo.

*Nhiệm vụ 2:* Nhóm 1 và 2 trình bày, phân tích khái niệm quy trình và quy trình đánh giá; nhóm 3 và 4 phản hồi và nhận xét.

## 3. Đánh giá hoạt động 2

*Bài tập:* Phân tích khái niệm quy trình và quy trình đánh giá. Tại sao phải đánh giá bằng quy trình?

## 4. Thông tin phản hồi cho hoạt động 2

*Bài tập:*

- Khái niệm quy trình.
- Khái niệm quy trình đánh giá.
- Đánh giá bằng quy trình là hoạt động của nhà sư phạm được tiến hành theo các bước đã lập trình sẵn.
- Đánh giá bằng quy trình nhằm nâng cao tính khách quan của việc kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học hiện nay.

## Hoạt động 3: Xác lập các bước của quy trình đánh giá

### 1. Thông tin

#### 1.1. Các bước của quy trình đánh giá

*Bước 1:* Xác định rõ mục đích đánh giá tri thức.

- Có nhiều loại tri thức khác nhau: tri thức sự kiện, tri thức về khái niệm, quy tắc, tính chất, quy luật,...
- Như vậy, mục tiêu đánh giá sẽ khác nhau: theo tái hiện giải thích, vận dụng trong tình huống đã biết, theo tình huống mới, có sự sáng tạo, cũng như hình thức trình bày sản phẩm (bài làm) của người học.

- Các vấn đề đều được thể hiện rõ trong nội dung bài kiểm tra (sản phẩm bài làm của người học). Bài kiểm tra theo quy định ở từng thời điểm trong quá trình giáo dục nhằm cụ thể hoá mục đích đánh giá.
- Theo V.M. Palonxki, bài kiểm tra đặt ra đối với người học phải được lựa chọn sao cho phù hợp với mục đích, yêu cầu đánh giá.
- Mục đích đánh giá mang tính dạy học, tính phát triển và tính giáo dục.

*Lưu ý đối với người dạy:* Khi đặt ra mục đích, yêu cầu đánh giá, người dạy phải biết đề ra những dấu hiệu chứng tỏ yêu cầu đã đạt được.

*Bước 2: Xác định hệ thống tiêu chuẩn đánh giá tri thức người học.*

- Mục đích đánh giá khác nhau, nội dung bài kiểm tra cũng sẽ ở các mức độ khác nhau. Nó được thể hiện thông qua hệ thống tiêu chuẩn đánh giá cơ bản.
- Các tiêu chuẩn đánh giá cơ bản (ví mô – lí luận dạy học):
  - + Hiểu, nhớ bài (bằng lời, bằng viết, bằng thực hành...).
  - + Áp dụng được bài làm trong tình huống tương tự.
  - + Áp dụng được bài làm trong tình huống khác đã biến đổi.
  - + Bài làm mang tính sáng tạo.
  - + Hình thức trình bày bài làm sáng sủa, rõ ràng và lôgic.
- Đây là một bước quan trọng trong quy trình đánh giá. Từ các tiêu chuẩn đánh giá cơ bản này (mức vi mô), khi áp dụng để đánh giá từng môn học cụ thể, người dạy sẽ cụ thể hoá hệ thống tiêu chuẩn đánh giá nêu trên. (Xây dựng chuẩn đánh giá cụ thể cho từng môn học – mức vi mô – lí luận dạy học bộ môn).
- Hai tiêu chuẩn cơ bản đầu yêu cầu bắt buộc người học phải đạt được. Tiêu chuẩn thứ ba nhằm phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các em – thể hiện cách xử sự phù hợp với tri thức đã tiếp thu để đảm bảo tính vững chắc của tri thức (hệ thống tri thức, kĩ năng, kĩ xảo). Tiêu chuẩn thứ tư nhằm khuyến khích khả năng phát triển trí tuệ và năng lực sáng tạo của người học (tính mềm dẻo của tư duy). Còn tiêu chuẩn thứ năm mang tính giáo dục nhằm rèn luyện cho người học tính cẩn thận, cách làm việc nghiêm túc, cách trình bày bài sạch sẽ, rõ ràng, có cấu trúc lôgic...

*Bước 3: Xác định hình thức đánh giá.*

- Hình thức đánh giá: vừa cho điểm, vừa nhận xét.

- Với các môn học khác ở tiểu học, khi đánh giá theo thang kí hiệu chữ cái A (hoàn thành nhiệm vụ), A<sup>+</sup> (có năng khiếu) và B (chưa hoàn thành nhiệm vụ), có thể tham khảo hình thức đánh giá vừa bằng định lượng, vừa bằng định tính này.

*Bước 4: Xác định thước đo (Barem) đánh giá tri thức người học (xác định theo bậc).*

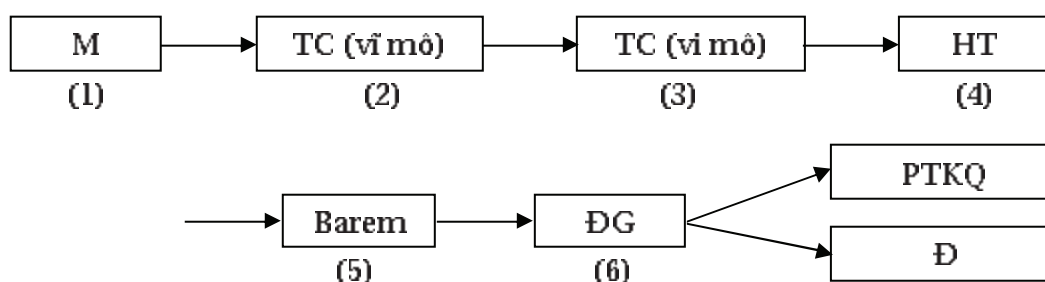
- Barem (biểu điểm) được xây dựng trên cơ sở là hệ thống tiêu chuẩn đánh giá tri thức người học của từng môn học cụ thể (mức vi mô).
- Hệ thống tiêu chuẩn đánh giá ở mức vi mô (dưới góc độ dạy học bộ môn) phụ thuộc vào đặc trưng của từng môn học ở bậc Tiểu học mà căn cứ vẫn phải dựa vào chuẩn đánh giá cơ bản (mức vĩ mô).

*Bước 5: Đánh giá.*

Đây là khâu cuối cùng của một quy trình đánh giá, bao gồm:

- Phân tích kết quả sản phẩm bài làm của người học.
- Cho điểm và nhận xét sản phẩm.

### 1.2. Mô hình quy trình đánh giá kết quả giáo dục



- Trong đó:
  - (1) M: Xác định mục đích đánh giá.
  - (2) TC (vĩ mô): Xác định chuẩn đánh giá cơ bản.
  - (3) TC (vi mô): Xác định tiêu chuẩn đánh giá môn học cụ thể.
  - (4) HT: Đề ra hình thức đánh giá.
  - (5) Barem: Xây dựng thang đánh giá (xác định biểu điểm).
  - (6) ĐG: Đánh giá.

PTKQ: Phân tích kết quả.  
Đ: Cho điểm và nhận xét.

## 2. Nhiệm vụ

*Nhiệm vụ 1:* Nhóm 1 và 2 trình bày, phân tích khái niệm quy trình và quy trình đánh giá; nhóm 3 và 4 phản hồi và nhận xét.

*Nhiệm vụ 2:* Các cá nhân thuyết trình các bước của quy trình đánh giá theo sơ đồ. Các thành viên trong lớp thảo luận và phản hồi.

*Nhiệm vụ 3:* Đề xuất một bài kiểm tra được đánh giá theo quy trình (toàn bộ thành viên trong lớp đều tham gia đánh giá). Từ đó rút ra các nhận xét và phản hồi.

## 3. Đánh giá hoạt động 3

*Bài tập 1 (\*):* Thiết kế một đề kiểm tra phân môn Tập làm văn (môn Tiếng Việt) ở tiểu học và xây dựng các bước đánh giá theo quy trình đã đề xuất. Từ đó, tiến hành thực nghiệm đánh giá và rút ra kết luận su phạm cần thiết.

*Bài tập 2 (\*):* Thiết kế một đề kiểm tra môn Toán ở tiểu học và xây dựng các bước đánh giá theo quy trình đã đề xuất. Từ đó, tiến hành thực nghiệm đánh giá và rút ra kết luận su phạm cần thiết.

*Chú ý:* Dấu hoa thị (\*) là những bài tập lớn, đòi hỏi cả lớp hoặc nhóm cùng tham gia thực hiện.

## 4. Thông tin phản hồi cho hoạt động 3

(Bài tập lớn/làm việc cả lớp)

*Bài tập 1(\*):* Quy trình đánh giá phân môn Tập làm văn (lớp 4).

a. *Đề kiểm tra:* Hãy tả một con vật mà em yêu thích (Tập làm văn – lớp 4).

\* *Mục đích:* Nhằm kiểm tra kĩ năng viết văn miêu tả con vật: Bài viết đúng với yêu cầu của đề, có đầy đủ 3 phần (mở bài, thân bài, kết luận), diễn đạt thành câu, lời văn tự nhiên, chân thực.

\* *Barem điểm của đề bài:*

– Mở bài:

+ Giới thiệu được con vật nuôi mà em yêu thích (con gì, do ai nuôi, nuôi từ bao giờ, nay đã thế nào?). (0,5 điểm)

+ Em nhìn thấy lúc nào? Khi nó đang làm gì? Trông nó có đáng yêu không? (0,5 điểm)

+ Câu văn sáng tạo, ngắn gọn, có hình ảnh, giàu cảm xúc. (0,5 điểm)

- Thân bài: (5 điểm)
  - Nhận thức được yêu cầu của đề bài (Hệ thống tri thức, kĩ năng, kĩ xảo): (3 điểm)
  - + Vẻ đẹp đáng yêu về hình dáng bên ngoài. (1 điểm)
    - Cao, to không? Bằng chứng nào? Giống vật gì?
    - Màu lông thế nào?
    - Đầu, mình, chân, đuôi có gì đặc biệt?
  - + Tính nết và một vài hoạt động (thói quen). (1 điểm)
    - Tính nết nổi bật là gì? Nó được thể hiện qua hoạt động nào của con vật? (ăn, ngủ, nằm, chuyện gì xảy ra?)
    - Cảm xúc, ý nghĩ (Lồng vào tả các ý trên).
  - + Chọn thêm một vài chi tiết phù hợp với yêu cầu của đề bài và trình bày rõ ràng. (1 điểm)
  - Sáng tạo: (2 điểm)
    - + Xen kẽ các chi tiết chính và chi tiết phụ hài hoà. (0,5 điểm)
    - + Đưa những chi tiết và chi tiết phụ hài hoà. (0,5 điểm)
    - + Đưa những chi tiết của khung cảnh bên ngoài có tác động đến trọng tâm của bài.
    - + Câu văn giàu hình ảnh, có cảm xúc chân thực. (1 điểm)
      - Ba câu văn hay, gợi cảm, sinh động trở lên. (1 điểm)
      - Dưới 3 câu văn hay, gợi cảm, sinh động. (0,5 điểm)
- Kết luận:
  - + Cảm nghĩ đúng về con vật nhưng thiếu sự chân thành (lợi ích của con vật nuôi đối với gia đình, bản thân). (1 điểm)
  - + Sáng tạo: Thể hiện tình cảm chân thực, tự nhiên, câu văn cô đọng. (0,5 điểm)
  - + Kết luận chỉ là hình thức, sơ sài. (0,5 điểm)
- Hình thức:
  - + Câu văn ngắn gọn, đúng ngữ pháp. (1 điểm)
  - + Không mắc lỗi chính tả. (1 điểm)
  - + Kết hợp trình bày bài làm sạch sẽ, chữ viết đẹp, rõ ràng.



- + 6 lỗi chính tả và hình thức trình bày chưa đạt. (trừ 1 điểm)
- + 8 lỗi chính tả và hình thức trình bày đạt. (trừ 1 điểm)
- + Dưới 5 lỗi chính tả. (trừ 0,5 điểm)

*b. Đánh giá theo quy trình*

Người học làm việc theo nhóm, từ đó rút ra kết luận sự phạm cần thiết.

*Bài tập 2 (\*): Môn Toán 4:*

*a. Mục đích đánh giá*

Chúng tôi xác định việc áp dụng quy trình đánh giá này nhằm mục đích kiểm tra (control) kết quả cuối năm của HS lớp 4 theo chuẩn kiến thức tối thiểu. Từ đó thu được thông tin ngược về hoạt động dạy – học toán được tiến hành trong năm học vừa qua.

Qua đánh giá, HS biết mình đã đạt được những năng lực, hiểu biết gì và những gì còn tồn tại. GV đánh giá được quá trình dạy học toán của mình trong năm học vừa qua. Nhờ đó, thầy điều chỉnh quá trình dạy của thầy, trò tự điều chỉnh quá trình học của trò và tự tin với những gì mình đã đạt được.

*b. Đề kiểm tra*

Họ và tên: ..... Thứ ..... ngày .... tháng .... năm .....

Lớp: ..... Bài kiểm tra cuối học kì

Môn: Toán – lớp 4 (Thời gian 40 phút)

**Phần I: Khoanh tròn chữ cái đặt trước câu trả lời đúng (3 điểm)**

*Bài 1:* Số chẵn lớn nhất có 4 chữ số là:

- A. 9998                      B. 1000                      C. 9999                      D. 1002

*Bài 2:* Biết  $35 < X < 45$  và X là số lẻ chia hết cho 3. Vậy X là:

- A. 36                      B. 42                      C. 39                      D. 45

*Bài 3:* Số nào trong các số sau có chữ số 9 biểu thị cho 9000?

- A. 93574                      B. 18943                      C. 90398                      D. 29687

*Bài 4:* Phân số nào bằng  $\frac{21}{35}$  ?

- A.  $\frac{9}{12}$                       B.  $\frac{9}{15}$                       C.  $\frac{15}{9}$                       D.  $\frac{12}{9}$

Bài 5: Giá trị của biểu thức  $\frac{2}{5} + \frac{3}{5} \times \frac{1}{3}$  là:

- A.  $\frac{2}{5}$                       B.  $\frac{1}{3}$                       C.  $\frac{3}{5}$                       D.  $\frac{1}{5}$

Bài 6: Cho:  $39m^2 9dm^2 = \dots\dots\dots dm^2$ . Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 399                      B. 39009                      C. 3990                      D. 3909

Phần II: Giải các bài toán (6,5 điểm)

Bài 1: (2 điểm)

Đặt tính rồi tính:                      3075 : 123                      2346 × 205

Bài 2: (2,5 điểm)

Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi 240m, chiều rộng bằng  $\frac{3}{5}$  chiều dài. Tính chiều dài, chiều rộng của mảnh đất đó?

Bài 3: (2 điểm)

Số lớn gấp 4 lần số bé. Nếu giảm số lớn đi 39 đơn vị thì được số bé. Tìm hai số đó?

c. Xây dựng barem đánh giá theo quy trình

– Phần 1: Bài toán trắc nghiệm: 0,5đ/1câu.

- Bài 1: A                      Bài 2: C                      Bài 3: D  
Bài 4: B                      Bài 5: C                      Bài 6: D

– Phần 2: Bài toán tự luận: 6,5đ.

Bài 1: (2 điểm)

- + Mỗi phép tính đúng (đặt tính đúng, thẳng hàng, có kẻ ngăn cách giữa các phép tính và kết quả, kết quả đúng): 1 điểm.
- + Đặt tính đúng, kết quả sai: không cho điểm.
- + Không kẻ ngăn cách giữa phép tính và kết quả, kết quả đúng: không cho điểm.
- + Tính sai số dư, tích riêng, kết quả đúng: không cho điểm.

→ Đáp án:

$$\begin{array}{r|l} 3075 & 123 \\ 0615 & 25 \\ \hline & 000 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 2346 \\ \times 205 \\ \hline 11730 \\ 4692 \\ \hline 480930 \end{array}$$



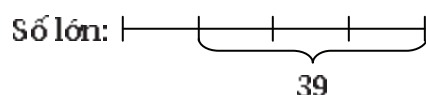
**Bài 3: (2 điểm)**

- Cách thức làm bài đúng, bước tính đúng, kết quả đúng: (2 điểm)
- Mỗi lời giải đúng được tính: 0,25 điểm.
- Mỗi phép tính đúng được tính: 0,25 điểm.
- Có thể tính số lớn trước hoặc số bé trước. Nhưng phải biểu thị được số bé bằng 1 phần (hoặc số lớn bằng 4 phần).
- HS ghi đúng lời giải nhưng hướng của phép tính sai: không cho điểm cả bước đó.
- Đáp số được tính: 0,5 điểm.

**Cụ thể**

- Vẽ được sơ đồ: 0,5 điểm.
- Tính được số bé (lời giải và phép tính): 0,5 điểm.
- + Lời giải: 0,25 điểm.
- + Phép tính: 0,25 điểm.
- Tính được số lớn (lời giải và phép tính): 0,5 điểm.
- + Lời giải: 0,25 điểm.
- + Phép tính: 0,25 điểm.
- Đáp số: 0,5 điểm.
- + Số lớn: 0,25 điểm.
- + Số bé: 0,25 điểm.

**Bài giải:**



Số bé: 

Hiệu số phần bằng nhau là:  $4 - 1 = 3$  (phần).

Số bé là:  $39 : 3 \times 1 = 13$ .

Số lớn là:  $13 + 39 = 52$ .

(Hay  $13 \times 4 = 52$ )

**Đáp số: Số lớn: 52.**

**Số bé: 13.**

Phần III: Hình thức trình bày bài làm sáng sủa, rõ ràng và logic (0,5đ)

c. *Đánh giá theo quy trình*

Người học đánh giá theo nhóm, so sánh điểm số xem độ chụm hay lệch chuẩn. Từ đó, rút ra kết luận sự phạm cần thiết.

## Nội dung 2

---

### BÀI TRẮC NGHIỆM

- Nguyên tắc và quy trình biên soạn bài trắc nghiệm.
- Thực hành biên soạn bài trắc nghiệm.

#### Hoạt động 1: Tìm hiểu về trắc nghiệm khách quan

##### 1. Thông tin

**1.1. Trắc nghiệm khách quan (Objective Test):** Là bài kiểm tra trong đó nhà sư phạm đưa ra các mệnh đề và có các câu trả lời khác nhau, yêu cầu người học phải chọn đáp án phù hợp.

##### 1.2. Phân biệt trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan

###### a) *Giống nhau*

- Trắc nghiệm (để chỉ trắc nghiệm khách quan) hay tự luận đều đo lường và đánh giá được các kết quả giáo dục của người học.
- Đều nhằm mục đích kiểm tra trình độ nhận thức hiện có của người học, tạo cho các em sự hứng thú trong học tập.
- Trắc nghiệm hay tự luận vẫn ít nhiều mang tính chủ quan.
- Kết quả đánh giá của trắc nghiệm và tự luận nếu khách quan thì luôn đủ độ tin cậy.

###### b) *Khác nhau*

- Yêu cầu của tự luận luôn đòi hỏi người học phải tự thiết kế câu trả lời và diễn tả nó bằng ngôn ngữ của bản thân. Còn yêu cầu của trắc nghiệm buộc người học phải lựa chọn câu trả lời phù hợp nhất trong số các câu trả lời cho sẵn.
- Yêu cầu của tự luận đòi hỏi người học phải phân tích, trình bày dài dòng, đầy đủ. Còn yêu cầu của trắc nghiệm đòi hỏi những câu trả lời ngắn gọn.
- Với tự luận, người học phải suy nghĩ và viết. Còn với trắc nghiệm, người học phải đọc và suy nghĩ.

- Chất lượng của bài tự luận phụ thuộc vào người đánh giá. Còn chất lượng của trắc nghiệm lại phụ thuộc chủ yếu vào người xây dựng bài trắc nghiệm.
- Phân bố điểm số đánh giá bài tự luận được kiểm soát chủ yếu bởi người đánh giá. Còn với bài trắc nghiệm, sự phân bố điểm số được quyết định do chính bài trắc nghiệm. (\*)

### 1.3. Những ưu điểm và hạn chế của trắc nghiệm khách quan

#### a) Thuận lợi

- Trong một thời gian nhất định, có thể kiểm tra một lượng thông tin lớn đối với người học.
- Người học hứng thú trong quá trình kiểm tra, đánh giá.
- Kiểm tra kiến thức một cách toàn diện đối với người học.
- Khách quan hoá quá trình kiểm tra, đánh giá.

#### b) Hạn chế

- Mất nhiều thời gian khi soạn trắc nghiệm khách quan.
- Trắc nghiệm chỉ đánh giá kết quả chứ không đánh giá quá trình tư duy đi đến kết quả.
- Trong quá trình làm bài, một phần tính ngẫu nhiên, đoán mò (tuy nhỏ) vẫn xen vào trong tư duy của người học.

## 2. Nhiệm vụ

*Nhiệm vụ 1:* Trình bày và thảo luận theo nhóm:

Nhóm trình bày	Nhóm phản hồi
Nhóm 1 và nhóm 2: Trắc nghiệm tự luận	Nhóm 3 và nhóm 4
Nhóm 3 và nhóm 4: Trắc nghiệm khách quan	Nhóm 1 và nhóm 2

*Nhiệm vụ 2:* Thuyết trình cá nhân về ưu điểm và hạn chế của trắc nghiệm khách quan. Các thành viên trong lớp nhận xét và phản hồi.

## 3. Đánh giá hoạt động 1

*Bài tập 1:* Hãy phân tích các dấu hiệu về sự tương đồng và khác biệt giữa trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan.

*Bài tập 2:* Tại sao trắc nghiệm khách quan chỉ đánh giá kết quả mà không đánh giá quá trình tư duy đi đến kết quả?

#### 4. Thông tin phản hồi cho hoạt động 1

*Bài tập 1:* Trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan:

*a) Sự tương đồng*

- Đếm đo lường và đánh giá được kết quả học tập của người học.
- Nhằm mục đích kiểm tra trình độ nhận thức của HS.
- Ít nhiều có tính chủ quan, song kết quả đánh giá khách quan thì luôn có đủ độ tin cậy.

*b) Sự khác nhau*

- Trắc nghiệm tự luận yêu cầu người học phải phân tích, trình bày, mô tả bằng lời, viết, thực hành... còn trắc nghiệm khách quan chỉ phản ánh kết quả cuối cùng đạt được theo yêu cầu.
- Tính chủ quan của trắc nghiệm tự luận phụ thuộc vào người đánh giá, còn trắc nghiệm khách quan chủ yếu phụ thuộc vào người thiết kế bài trắc nghiệm.

*Bài tập 2:* Trắc nghiệm khách quan chỉ đánh giá kết quả mà không đánh giá quy trình tư duy đi đến kết quả vì:

- Do kĩ thuật xây dựng trắc nghiệm có sẵn các phương án trả lời và lựa chọn.
- Nhiệm vụ thí sinh chỉ là lựa chọn câu trả lời phù hợp.
- Quá trình tư duy đi đến kết quả ẩn sau câu trả lời hoặc lựa chọn của người học.

#### Hoạt động 2: Xây dựng các loại câu trắc nghiệm khách quan

##### 1. Thông tin

Các loại câu trắc nghiệm khách quan:

##### *1.1. Trắc nghiệm đúng – sai*

- Trắc nghiệm đưa ra từ một đến hai mệnh đề (câu hỏi) và yêu cầu người học lựa chọn mệnh đề nào đúng, mệnh đề nào sai.
- Trắc nghiệm có một mệnh đề, yêu cầu người học điền (Đ) hoặc (S).
- Trắc nghiệm có hai mệnh đề, nếu một mệnh đề đúng (Đ) thì mệnh đề còn lại sai (S).
- Hạn chế của trắc nghiệm đúng – sai ở chỗ tính ngẫu nhiên, may rủi xen lẫn trong tư duy của người học.

- Có thể đặt nhiều mệnh đề (câu hỏi) trong một bài trắc nghiệm để giảm hạn chế của bài kiểm tra.

### 1.2. Trắc nghiệm lựa chọn (*Multiple choice Items*)

- Trắc nghiệm loại này gồm 2 phần: câu dẫn và câu lựa chọn.
- + Phần câu dẫn là một câu hỏi hay câu bỏ lửng (câu chưa hoàn chỉnh), tạo cơ sở cho sự lựa chọn.
- + Phần lựa chọn gồm nhiều phương án trả lời (ở cấp Tiểu học thường là 3 hoặc 4 phương án trả lời). Người học sẽ chọn 1 phương án trả lời duy nhất đúng (hoặc đúng nhất). Những phương án còn lại là phương án nhiễu.
- Trắc nghiệm này có nhiều ưu điểm: độ tin cậy cao, yếu tố ngẫu nhiên, mang tính đơn giản.
- Trắc nghiệm lựa chọn đảm bảo độ giá trị, có thể đo được khả năng của người học: nhớ, thông hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp...

### 1.3. Trắc nghiệm điền vào ô trống/ trắc nghiệm điền khuyết (*Answer Short/Completion Items*)

- Câu trả lời ngắn: Trả lời theo yêu cầu của bài bằng một từ hay cụm từ (đôi khi là các con số) cho một câu hỏi (mệnh đề yêu cầu) trực tiếp hay một câu nhận định chưa đầy đủ.
- Câu điền khuyết: Được trình bày dưới hình thức một câu phát biểu chưa đầy đủ (câu chưa hoàn thiện). Nếu cho trước một số phương án lựa chọn để điền vào chỗ trống thì nó sẽ là một dạng khác của câu nhiều lựa chọn.
- Tính ưu việt của trắc nghiệm này là tạo cơ hội để người học trả lời các vấn đề đặt ra, nên phát huy được tính sáng tạo.
- Hạn chế hoặc triệt tiêu tính may rủi, đoán mò vì người học phải nhớ lại hoặc nghĩ ra câu trả lời.

### 1.4. Trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi (*Matching Items*)

- Trắc nghiệm bao gồm hai dãy thông tin gọi là câu dẫn và câu đáp (cột A và cột B).
- Trong giáo dục tiểu học, thường hai dãy thông tin này có số mệnh đề bằng nhau (cân bằng) hoặc không bằng nhau chứa đựng nội dung theo yêu cầu của đề bài.
- Nhiệm vụ người học là nối (hay ghép) các nội dung của hai cột lại cho thích hợp.



- Ưu điểm của loại câu này là dễ thiết kế và sử dụng trắc nghiệm; yếu tố may rủi, ngẫu nhiên giảm hẳn.
- Nhược điểm là mất nhiều thời gian cho việc thiết kế và xây dựng loại câu trắc nghiệm này.

### 1.5. Trắc nghiệm mô hình (Picture Items)

- Có thể gọi loại trắc nghiệm này là trắc nghiệm tranh ảnh hay sơ đồ.
- Loại câu trắc nghiệm này sử dụng hình thức và kĩ thuật xây dựng của các loại trắc nghiệm trên, đặc biệt là trắc nghiệm nhiều lựa chọn và trắc nghiệm điền vào ô trống. Song có sự hỗ trợ và thể hiện bằng các mô hình dạy học (tranh ảnh, hình vẽ, sơ đồ, bản đồ, biểu đồ...).
- Tính ưu việt của trắc nghiệm này là nhằm mục đích hệ thống hoá, khái quát hoá nội dung bài học, phát triển tư duy cho người học.
- Rất phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí của HS tiểu học (độ tuổi từ 6 đến 11 tuổi) vì nhận thức của các em chủ yếu là nhận thức cảm tính.
- Trong giáo dục tiểu học, trắc nghiệm mô hình nên tồn tại độc lập, thích ứng và phù hợp với người học.

## 2. Nhiệm vụ

Làm việc theo nhóm:

Nhóm trình bày	Nhóm phản hồi
Nhóm 1: Trắc nghiệm đúng – sai	Nhóm 2
Nhóm 2: Trắc nghiệm lựa chọn	Nhóm 3
Nhóm 3: Trắc nghiệm điền vào ô trống	Nhóm 4
Nhóm 4: Trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi	Nhóm 1
Nhóm 1 và nhóm 2: Trắc nghiệm mô hình	Nhóm 3 và nhóm 4

## 3. Đánh giá hoạt động 2

*Bài tập 1:* Thiết kế và phân tích một bài trắc nghiệm đúng – sai và lựa chọn thông qua một môn học cụ thể ở cấp Tiểu học.

*Bài tập 2:* Hãy xây dựng và phân tích bài kiểm tra bằng trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi và điền vào ô trống trong dạy học ở tiểu học.

*Bài tập 3:* Thiết kế bài kiểm tra bằng trắc nghiệm mô hình trong dạy học ở tiểu học, phân tích nội dung bài trắc nghiệm đó.

#### 4. Thông tin phản hồi cho hoạt động 2

##### Bài tập 1:

##### 1. Thiết kế trắc nghiệm đúng – sai và trắc nghiệm lựa chọn (Địa lí – lớp 4)

##### a) Trắc nghiệm đúng – sai: Đánh dấu Đ (đúng) hoặc S (sai) vào câu sau:

Sông Hương, núi Ngự và chùa Thiên Mụ là những cảnh đẹp nổi tiếng của miền Bắc nước ta.

##### b) Trắc nghiệm lựa chọn: Đánh dấu (x) vào câu trả lời phù hợp trong các câu ở dưới đây:

a. Dãy Trường Sơn Bắc nằm ở phía nam của nước ta.

b. Dãy Trường Sơn Đông nằm ở phía đông của nước ta.

c. Dãy Trường Sơn chạy dọc theo miền Trung của nước ta.

d. Tất cả các nội dung trên đều đúng.

##### 2. Phân tích:

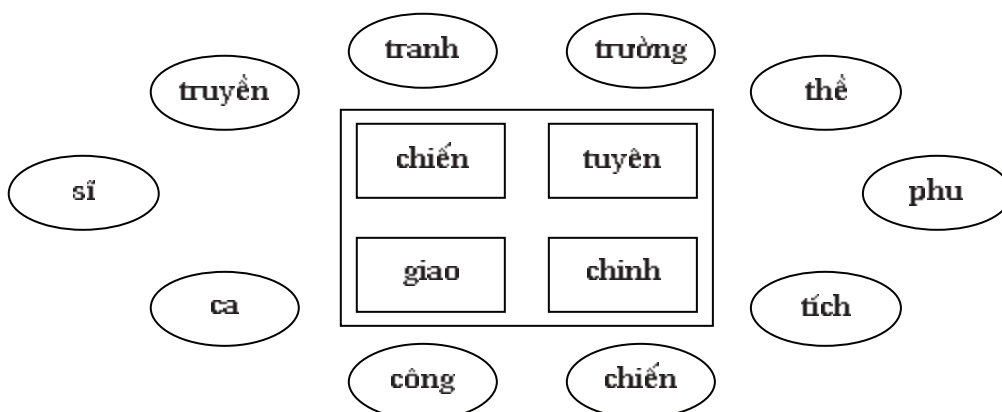
– Trắc nghiệm a) là trắc nghiệm đúng – sai nhằm kiểm tra kiến thức của người học về cảnh đẹp nổi tiếng của thành phố Huế (miền Trung). Do vậy, câu hỏi đưa ra là sai (Trắc nghiệm 1 lựa chọn).

– Trắc nghiệm b) là trắc nghiệm lựa chọn. Bài trắc nghiệm đưa ra 4 câu lựa chọn nhằm kiểm tra sự hiểu biết của người học về dãy Trường Sơn ở miền Trung nước ta. Như vậy, chỉ có câu lựa chọn c) là đúng. Trắc nghiệm này có độ khó cao so với HS lớp 4.

##### Bài tập 2:

##### a) Trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi. (Luyện từ và câu – lớp 5)

– Hãy ghép các từ trong các ô vuông với các từ trong các ô vòng tròn để tạo thành từ mới có nghĩa:



– Phân tích:

- + Đây là một bài trắc nghiệm nhằm mục đích sử dụng cách dùng từ và giải thích nghĩa của các từ mới rộng trong chương trình tiếng Việt.
- + Bài trắc nghiệm có đa phương án, khi mà các từ trong ô vuông có thể nối với nhiều từ khác nhau trong các ô vòng tròn.
- + Độ khó và độ phân biệt của bài là cao so với trình độ HS lớp 5.

b) Trắc nghiệm điền khuyết (Luyện từ và câu – lớp 4)

– Thiết kế: Điền thêm một từ (hoặc 1 cụm từ) vào chỗ chấm để được câu trả lời đúng dưới đây:

- + ..... là một bộ phận quân đội có nhiệm vụ hoạt động, chiến đấu trên vùng biển.
- + Bộ phận quân đội có nhiệm vụ hoạt động, chiến đấu trên vùng trời (trên không) gọi là .....

– Phân tích:

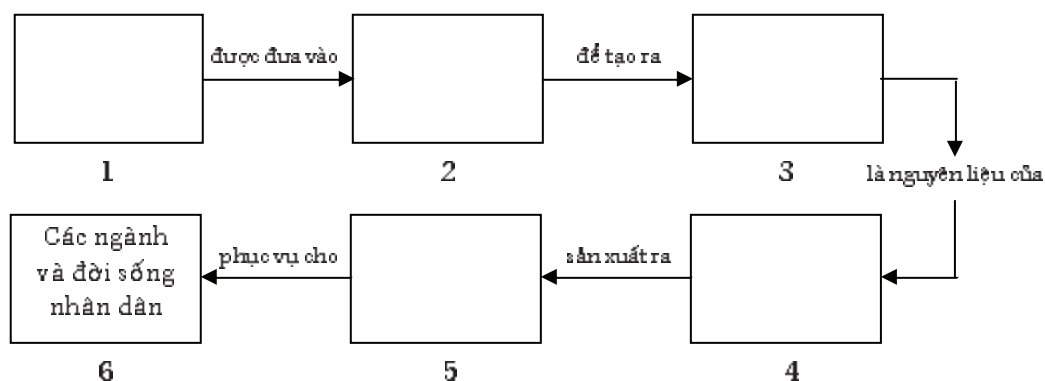
- + Đây là một bài trắc nghiệm điền khuyết mà các từ hoặc cụm từ cần điền không cho trước, nhưng từ và cụm từ này là duy nhất (hải quân, không quân).
- + Độ nhiễu thấp so với trình độ HS lớp 4.

*Bài tập 3:*

a) Thiết kế bài trắc nghiệm mô hình (Luyện từ và câu – lớp 4):

Lựa chọn các từ đã cho ở trong ngoặc dưới đây và điền vào sơ đồ sao cho phù hợp nhất:

(công nghiệp cơ khí; các quặng kim loại; máy móc, thiết bị; các lò luyện gang thép; gang, thép, sắt và kim loại khác)



*b) Phân tích:*

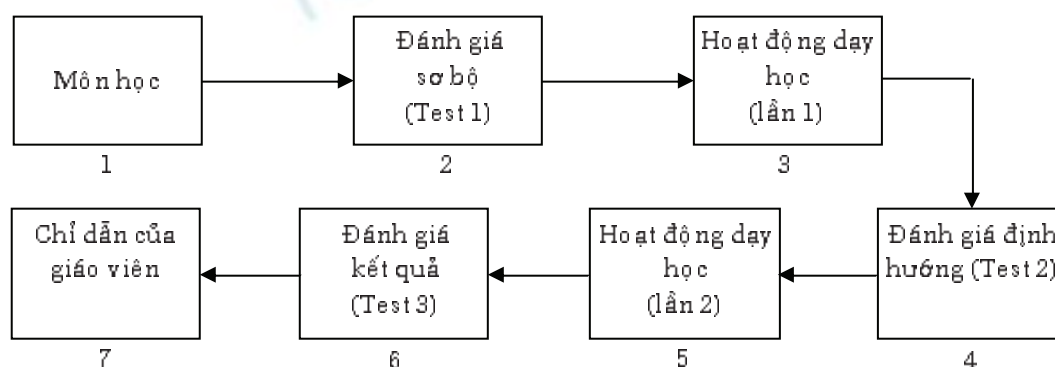
- Đây là bài trắc nghiệm mô hình, yêu cầu người học phải điền các cụm từ đã cho vào sơ đồ sao cho thành một câu văn hoàn chỉnh và có ý nghĩa.
- Kỹ thuật: Tuy các cụm từ cho trước song cách sắp xếp phi logic, người học phải lựa chọn chuẩn xác các cụm từ thích hợp để điền vào từng ô trống. Độ khó khá cao.

**Hoạt động 3: Xây dựng mô hình đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học bằng trắc nghiệm khách quan**

**1. Thông tin**

**1.1. Mô hình đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học bằng trắc nghiệm khách quan (Objective Test)**

*a) Sơ đồ*



*b) Phân tích*

Mô hình đánh giá gồm 7 bước, được thông qua 3 lần đánh giá:

- Test 1:
  - + Đánh giá sơ bộ trình độ nhận thức hiện có của người học thông qua môn học cụ thể.
  - + Đánh giá sơ bộ mang mục đích khảo sát.
- Test 2:
  - + Đánh giá định hướng, xem người học tiếp thu kiến thức đến đâu để điều chỉnh hoạt động dạy và hoạt động học.
  - + Đánh giá định hướng mang mục đích kiểm tra các đơn vị tri thức đã lĩnh hội, làm cơ sở, nền tảng lĩnh hội các đơn vị tri thức tiếp theo.